

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2026/HS-PT**
Ngày: 16 - 3 -2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung
Các thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng
Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân T, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Toà
án nhân dân thành phố Huế, xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số
03/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Phan Thị Kỳ M,
Phạm Văn H, Nguyễn Minh T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.
Do có kháng cáo các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HSST
ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Thị Kỳ M (tên gọi khác: không); sinh ngày 10/01/1990, tại thành
phố H; CCCD số: 046190010474 do Bộ C cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Số I
đường B tháng I, tổ H, phường P, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học
vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không;
con ông Phan Văn N, sinh năm 1945(đã chết) và bà Phan Thị Thân Á; có chồng
Lê Văn P, sinh năm: 1993 (bị cáo trong vụ án) và chưa có con; Tiền án, tiền sự:
Không; Về nhân thân: Nhỏ ở với cha mẹ tại địa phương; học đến lớp 12 thì nghỉ
học và làm nghề tự do tại địa phương cho đến ngày phạm tội; Bị cáo bị áp dụng
biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025, đến ngày 27/8/2025
được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Văn H (tên gọi khác: không); sinh ngày 11/7/1990, tại thành phố
H; CCCD số: 046090001600 do Bộ C cấp; nơi cư trú: Số H đường B tháng I,

phường P, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn D, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1959; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Nhỏ ở với cha mẹ tại địa phương; học đến lớp 12 thì nghỉ học và làm nghề tự do tại địa phương cho đến ngày phạm tội; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố H; có mặt.

3. Nguyễn Minh T1 (tên gọi khác: không); sinh ngày 07/9/1993, tại thành phố H; CCCD số: 046093006189 do Bộ C cấp ngày 25/8/2022; nơi cư trú: TDP T, phường H, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Tiến D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1960; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Nhỏ ở với cha mẹ tại địa phương; học đến lớp 12 sau đó ở nhà cho đến ngày phạm tội; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố H; có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Ông Nguyễn Hoài N1 – Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T1: Ông Võ Công H3 - Luật sư Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Lê Văn P, Trần Hữu N2, Nguyễn Hữu Đ, Hà Thị Thanh N3, Hà Thị T2 không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 08/02/2025, sau khi ăn nhậu xong, Phan Thị Kỳ M cùng chồng là Lê Văn P và Nguyễn Minh T1, Trần Hữu N2, Phạm Văn H, Nguyễn Hữu Đ rủ nhau đến quán bar A ở số I H, phường T, thành phố H nghe nhạc và sử dụng ma túy, chi phí sẽ được chia đều cho mỗi người sau khi cuộc chơi kết thúc. Nguyễn Minh T1 điện thoại cho Nguyễn Hồng S là lái xe taxi chở cả nhóm đến quán bar A. Trên đường đi Phan Thị Kỳ M lấy điện thoại gọi vào số điện thoại 0972743303 của đối tượng tên L, là người quen ngoài xã hội hỏi mua 04 viên ma túy kẹo và hộp 5 ma túy khay với giá tiền là 5.700.000 đồng và hẹn giao nhận ma túy tại quán Bar A. Sau đó, M đưa số tài khoản số 9712347939 tại ngân hàng TMCP N4 (V) mà đối tượng L nhắn đề Trần Hữu N2 chuyển số tiền mua ma túy là 5.700.000 đồng. Khi đến quán A, cả nhóm được bố trí ngồi tại bàn Vip 3, Nguyễn Hồng S (lái xe) được nhóm rủ vào ngồi chơi để đợi chờ về. Một lát sau thì có người sử dụng số điện thoại 0797579177 gọi đến điện thoại của Phan Thị Kỳ M, lúc này Lê Văn P đang cầm máy điện thoại của M nghe máy thì được người gọi đến báo ra ngã tư đường T - H, thành phố H lấy ma túy. Nhận được ma

túy, P mang xuống phòng vệ sinh xào ma túy khay cho vào ly thủy tinh và bẻ ma túy kẹo ra từng mảnh nhỏ rồi mang lên đặt giữa bàn VIP 03 để mọi người sử dụng. Khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày thì lực lượng công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang nhóm đang tổ chức sử dụng ma túy và thu giữ 01 ly thủy tinh màu trắng bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng, 01 ống hút nhựa màu trắng.

2. Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vào tối ngày 08/02/2025, Hà Thị T2 đang ở nhà thì có đối tượng tên Cẩm L (Ty quen L qua người cháu của mình), sử dụng số điện thoại 0972743303 gọi vào số điện thoại 0373343212 của T2 hỏi “đi có biết chỗ mô lấy giúp L khay, kẹo đem qua quán A”. T2 đồng ý và gọi cho một nam thanh niên quen biết ngoài xã hội mà T2 biết có bán ma túy, có số điện thoại là 0354572284 để hỏi mua 04 viên ma túy kẹo và hộp 5 ma túy khay thì được báo giá tiền là 5.500.000 đồng. Ty báo lại cho L giá tiền là 5.700.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, người thanh niên gọi lại xin số tài khoản của T2 để người mua ma túy chuyển tiền, T2 đưa tài khoản số 9712347939 của mình tại ngân hàng TMCP N4 (V) cho người thanh niên này, một lúc sau thì T2 nhận được số tiền 5.700.000 đồng với nội dung giao dịch là “TRAN HUU NGAN chuyen tien”. Đến chiều ngày 09/02/2025 thì T2 gặp người nam thanh niên tại đường N, thành phố H và đưa số tiền 5.500.000 đồng. Ty được hưởng lợi 200.000 đồng từ việc mua bán ma túy.

Cũng vào đêm 08/02/2025, khi Hà Thị Thanh N3 đang ngồi quán nước ven đường thì nhận được điện thoại của người quen tên B nhưng N3 không rõ nhân thân, lai lịch nói đến đường T nhận ma túy gồm hộp 5 ma túy khay và 04 kẹo để đi giao cho khách tại quán Bar A. Sau đó B đưa số điện thoại 0379061709 của khách cho N3 chủ động liên lạc. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày N3 đến điểm hẹn, B giao N3 gói ni lông chứa ma túy khay, kẹo và đưa cho N3 200.000 đồng tiền công. N3 nhận lấy ma túy rồi một mình đến ngã tư đường T - H gần quán Bar A thì sử dụng điện thoại số 0797579177 gọi đến điện thoại số 0379061709 của Phan Thị Kỳ M, lúc này Lê Văn P đang cầm máy điện thoại của M nghe máy và ra nhận ma túy. Nhận giao gói ma túy rồi quay về, việc thanh toán tiền mua ma túy giữa B và người mua ma túy N3 không biết.

* Tại bản kết luận giám định số 102/KL-KTHS ngày 12/02/2025, Phòng K Công an thành phố H kết luận: Mẫu tinh thể rắn thu giữ khi bắt quả tang gửi giám định có khối lượng là 0,2962g là ma túy, loại Ketamine.

* Ngoài ra, còn có nội dung về vật chứng và tài liệu thu giữ.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSTPH-P1 ngày 04/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố các bị cáo Phan Thị Kỳ Minh, Lê Văn Phú, Nguyễn Minh T1, Trần Hữu N2, Nguyễn Hữu Đ và Phạm Văn H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Hà Thị T2 và Hà Thị Thanh N3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HSST ngày 24/11/2025 Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Kỳ M, Nguyễn Minh T1, Phạm Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Minh T1:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị Kỳ M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025 đến ngày 27/8/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với Lê Văn P, Trần Hữu N2, Nguyễn Hữu Đ, Hà Thị Thanh N3, Hà Thị T2; về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phan Thị Kỳ M, Nguyễn Minh T1, Phạm Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/3/2026, bị cáo Phan Thị Kỳ M có đơn xin rút kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T1, Phạm Văn H giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo M rút kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định.

- Bị cáo M: giữ nguyên yêu cầu rút kháng cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo H: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ đau ốm có xác nhận, bị cáo cũng tích cực phối hợp với cơ quan điều tra đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, hơn nữa mức hình phạt so với các bị cáo khác quá nặng cũng với hành vi tính chất như nhau.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T1: gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo thực hiện vai trò thứ yếu, Tòa án cấp sơ thẩm xử nặng hơn các bị cáo khác, bị cáo cũng tích cực phối hợp với cơ quan điều tra đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt quy định mới phù hợp.

Các bị cáo: đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo phần hình phạt, lý do: bản án sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo H, T1 quá nặng, cao hơn các bị cáo khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc rút kháng cáo của bị cáo Phan Thị Kỳ M:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thị Kỳ M tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Kỳ M. Bản án hình sự sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo M có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Minh T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định ma túy và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào tối ngày 08/02/2025, các bị cáo đã cùng nhau góp tiền, mua ma túy và chuẩn bị công cụ (ống hút, ly thủy tinh) để tổ chức cho nhóm 07 người sử dụng trái phép chất Ketamine tại quán Bar A. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (phạm tội đối với 02 người trở lên). Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người bào chữa, HĐXX nhận thấy: Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì cho rằng có sự phối hợp trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Về việc cung cấp thêm xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, không đủ điều kiện định lượng để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự nhằm chuyển khung hình phạt. Mức hình phạt 07 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là mức khởi điểm của khung hình phạt, đã được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo H, T1. Do đó, việc các bị cáo xin giảm nhẹ nhưng không đủ căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo T1 như đề nghị của đại diện Viện công tố tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Qua công tác xét xử phúc thẩm vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại mức hình phạt đối với Phan Thị Kỳ

M theo thủ tục quy định, cụ thể như sau:

Mặc dù vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, tuy nhiên hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy Phan Thị Kỳ M chính là người giữ vai trò khởi xướng, trực tiếp liên lạc để mua ma túy thực hiện tội phạm. Việc cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ s, t tại Khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (chuyển khung hình phạt liền kề) đối với bị cáo khởi xướng để xử 03 năm 09 tháng tù là chưa đảm bảo sự phân hóa nghiêm minh của pháp luật. Trong khi các bị cáo khác với vai trò thực hành, lệ thuộc lại phải chịu mức hình phạt tại khung hình phạt cao hơn, thì việc bị cáo khởi xướng được hưởng mức án ở khung hình phạt thấp hơn đã tạo ra sự mất cân bằng về trách nhiệm hình sự, chưa đáp ứng nguyên tắc công bằng và tính răn đe trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với phần hình phạt của Phan Thị Kỳ M để đảm bảo việc áp dụng pháp luật được thống nhất và đúng quy định.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[6]. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ Luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

T3:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phan Thị Kỳ M. Bản án sơ thẩm về phần hình phạt và tội danh đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Bác kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Minh T1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HSST ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Minh T1.

2.1. Về tội danh: bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Minh T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2.2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Minh T1, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2025.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với phần hình phạt của Phan Thị Kỳ M để đảm bảo việc áp dụng pháp luật được thống nhất và đúng quy định.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Huế;
- Phòng HSNV- Công an thành phố Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phùng Anh Dũng Phạm Tôn Võ Thị Ngọc D2